

CÁC GIẢI PHÁP HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TIẾP CẬN VỐN TÍN DỤNG ĐỂ PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN

SOLUTIONS TO SUPPORT SMALL AND MEDIUM ENTERPRISES ACCESS TO CREDIT CAPITAL FOR DEVELOPMENT

Vũ Thị Bích Hào

Khoa Tài chính Ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

Đến Tòa soạn ngày 13/01/2021, chấp nhận đăng ngày 09/03/2021

Tóm tắt: Trong những năm qua, doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam (DNNVV) có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, đóng góp không nhỏ vào GDP, tạo công ăn việc làm, ổn định kinh tế... Chính phủ đã có nhiều giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển, trong đó có chính sách hỗ trợ tiếp cận vốn. Hiện nay, dư nợ cho vay đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa đang tăng cao hơn tốc độ tăng trưởng tín dụng chung của nền kinh tế, nhưng so với nhu cầu thì nguồn vốn vẫn chưa đáp ứng được. Việc tiếp cận vốn tín dụng của các doanh nghiệp nhỏ và vừa vẫn còn khó khăn, vướng mắc đòi hỏi tiếp tục có giải pháp để tháo gỡ cũng như hỗ trợ DNNVV tiếp cận được tới các nguồn vốn hiệu quả trong bối cảnh hội nhập.

Từ khóa: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, vốn tín dụng.

Abstract: Contributing a significant part in the economy, Vietnamese small and medium enterprises (SMEs) have an important role in the country's socio-economic development in terms of production, employment generation and also facilitating equitable distribution of income. With the aim to boost the SMEs sector, the government has introduced policies for SMEs to access credit capital over the past few years. In the current situation, SMEs's debt ratio is out raising the economy's debt yet still have not met the demand for SMEs' needs. Accessing credit capital for SMEs requires more clear and transparent measures from the government and also guidance from the State bank.

Keywords: Small and medium enterprises, credit capital.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm gần đây, môi trường kinh doanh của Việt Nam đã có những thay đổi hết sức căn bản tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) phát triển. Đến nay, DNNVV chiếm 96,7% tổng số doanh nghiệp cả nước. Sự lớn mạnh cả về số lượng, quy mô hoạt động và cả về nội lực của khu vực DNNVV có tác động to lớn, góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội và quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam.

Tuy nhiên, các DNNVV vẫn còn gặp nhiều trở ngại cho việc phát triển như trình độ khoa học - công nghệ còn hạn chế, sức cạnh tranh của sản phẩm tại thị trường trong nước cũng như quốc tế chưa cao, hiệu quả kinh doanh thấp. Bên cạnh đó việc tiếp cận vốn tín dụng vẫn còn là khó khăn của đa số các DNNVV, mặc dù chỉ số tiếp cận tín dụng đã được cải thiện. Do vậy, trong thời gian tới Chính phủ và các Bộ, ngành cần tiếp tục có các giải pháp hỗ trợ DNNVV tiếp cận vốn tín dụng.

2. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN DNNVV

Theo niên giám thống kê hàng năm của Tổng cục Thống kê, tính đến 31/12/2019, cả nước có 758.610 doanh nghiệp đang hoạt động, tăng 6,1% so với cùng thời điểm năm 2018, tăng 50,2% so với cuối năm 2016, trong đó:

- Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản có 10.085 doanh nghiệp, chiếm 1,3% số doanh nghiệp; khu vực công nghiệp và xây dựng có 239.755 doanh nghiệp, chiếm 31,6%; khu vực dịch vụ có 508.770 doanh nghiệp, chiếm 67,1%.
- Xét về địa phương, số doanh nghiệp đang hoạt động chủ yếu tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Trong đó, Hà Nội có 155.940 doanh nghiệp (chiếm 20,6%), TP. Hồ Chí Minh có 239.623 doanh nghiệp (chiếm 31,6%).

Ước đến tháng 12/2020, có khoảng 795 nghìn doanh nghiệp đang hoạt động (theo số liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp - Bộ Kế hoạch và Đầu tư). Theo mục tiêu của Chính phủ, đến hết năm 2020, cả nước có khoảng 1 triệu doanh nghiệp hoạt động. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, việc tăng trưởng số lượng doanh nghiệp mới gặp khó khăn, trong khi số doanh nghiệp giải thể, chờ đóng cửa tăng lên, nên mục tiêu đến năm 2020 có 1 triệu doanh nghiệp là không đạt được.

Trong tổng số doanh nghiệp hiện nay, số lượng DNNVV chiếm khoảng 97% (trong đó DNNVV có quy mô siêu nhỏ chiếm khoảng 65% số DNNVV). Hiện khu vực DNNVV đóng góp gần 50% GDP, 33% thu ngân sách nhà nước, 45% vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội.

3. KHUNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ DNNVV

3.1. Chính sách hỗ trợ của Nhà nước

Trước năm 2018, các chính sách hỗ trợ DNNVV nằm rải rác ở nhiều văn bản như

ng nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ và thông tư của các Bộ, ngành.

Từ năm 2018, nhằm tạo khuôn khổ pháp lý cho hoạt động trợ giúp phát triển DNNVV, ngày 12/6/2017, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ đã được Quốc hội thông qua và có hiệu lực thi hành từ 01/01/2018. Các chính sách hỗ trợ chung quy định tại Luật Hỗ trợ DNNVV bao gồm các nhóm chính sách: (1) Hỗ trợ tiếp cận tín dụng (Điều 8, Điều 9, Điều 17, Điều 19, Điều 20); (2) Hỗ trợ thuế, kế toán; (3) Hỗ trợ mặt bằng sản xuất; (4) Hỗ trợ công nghệ; hỗ trợ cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung; (5) Hỗ trợ mở rộng thị trường; (6) Hỗ trợ thông tin, tư vấn và pháp lý; (7) Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực.

Ngoài ra, Luật Hỗ trợ DNNVV quy định các chính sách hỗ trợ cụ thể có trọng tâm cho 03 đối tượng doanh nghiệp là DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh, DNNVV khởi nghiệp sáng tạo và DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị. Về chính sách hỗ trợ tiếp cận vốn, ngoài nguồn vốn tín dụng ngân hàng, Luật hỗ trợ DNNVV quy định chính sách hỗ trợ DNNVV trong tiếp cận vốn thông qua các loại hình quỹ như Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho DNNVV, Quỹ Phát triển DNNVV.

Kể từ ngày Luật Hỗ trợ DNNVV có hiệu lực, Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt các Bộ, ngành, địa phương và nhiều tổ chức hiệp hội tích cực triển khai thực hiện Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành để khẩn trương đưa các chính sách hỗ trợ DNNVV đi vào cuộc sống; đồng thời, đã ban hành 05 Nghị định triển khai Luật, gồm:

- Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ DNNVV.
- Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày

11/3/2018 quy định về đầu tư cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo.

- Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 8/3/2018 về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho DNNVV.
- Nghị định số 39/2019/NĐ-CP ngày 10/5/2019 về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển DNNVV.
- Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 về hỗ trợ pháp lý cho DNNVV.

3.2. Chính sách hỗ trợ DNNVV tiếp cận vốn thông qua các quỹ tài chính nhà nước tại Luật Hỗ trợ DNNVV

Quỹ Phát triển DNNVV

Triển khai Luật Hỗ trợ DNNVV, ngày 10/5/2019, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 39/2019/NĐ-CP quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển DNNVV (trước đây là Quyết định số 601/QĐ-TTg ngày 17/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Quỹ Phát triển DNNVV). Theo quy định tại Nghị định số 39/2019/NĐ-CP, Quỹ phát triển DNNVV là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, vốn điều lệ tối thiểu của Quỹ là 2.000 tỷ đồng, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, do Thủ tướng Chính phủ thành lập, thực hiện các chức năng: Cho vay, tài trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị (theo phương thức trực tiếp và gián tiếp); tiếp nhận và quản lý nguồn vốn vay, tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác của các tổ chức, cá nhân để hỗ trợ DNNVV.

Mức vốn cho vay đối với mỗi dự án, phương án sản xuất - kinh doanh của Quỹ đối với DNNVV tối đa bằng 80% tổng mức vốn đầu tư của từng dự án, phương án; thời hạn cho vay không quá 7 năm; lãi suất cho vay trực

tiếp bằng 80% mức thấp nhất lãi suất cho vay thương mại (hiện mức lãi suất cho vay ngắn hạn là 2,16%/năm, lãi suất cho vay trung, dài hạn là 4,0%/năm).

So với quy định hoạt động của Quỹ tại Quyết định 601/QĐ-TTg ngày 17/4/2013, hoạt động hỗ trợ DNNVV của Quỹ đã được mở rộng hơn (cho vay trực tiếp, tài trợ, hỗ trợ tăng cường năng lực), tuy nhiên, đối tượng hỗ trợ chỉ tập trung vào 02 đối tượng là DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị.

Quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNNVV

▪ Hoạt động bảo lãnh của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNNVV hiện được thực hiện theo Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNNVV. Theo đó DNNVV được hỗ trợ tiếp cận vốn tại tổ chức cho vay thông qua hình thức bảo lãnh tại Quỹ bảo lãnh tín dụng địa phương. Phạm vi bảo lãnh cho DNNVV lên tới 100% giá trị khoản vay tại ngân hàng thương mại.

▪ Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị định 34/2018/NĐ-CP, NHNN đã ban hành Thông tư số 45/2018/TT-NHNN hướng dẫn các TCTD trong cho vay có bảo lãnh của Quỹ bảo lãnh tín dụng theo quy định tại Nghị định 34/2018/NĐ-CP (thay thế Thông tư số 05/2015/TT-NHNN hướng dẫn Quyết định số 58/2013/QĐ-TTg).

▪ Tính đến tháng 3/2018 (thời điểm Nghị định 34/2018/NĐ-CP có hiệu lực thi hành), trên cả nước có 28 Quỹ BLTD cho DNNVV hoạt động trên địa bàn các tỉnh, thành phố. Sau khi Nghị định 34/2018/NĐ-CP có hiệu lực, có 2 Quỹ BLTD giải thể (Quỹ BLTD thành phố Đà Nẵng và Quỹ BLTD tỉnh Lạng Sơn). Hiện nay, trên cả nước có 26 Quỹ bảo

lãnh tín dụng cho DNNVV hoạt động trên địa bàn các tỉnh, thành phố (Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Thanh Hóa, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Yên Bái, Hà Giang, Trà Vinh, An Giang, Ninh Thuận, Hà Tĩnh, Tiền Giang, Bạc Liêu, Cần Thơ, Kiên Giang, Hòa Bình, Đồng Nai, Bình Dương, Sóc Trăng, Thái Nguyên, Lâm Đồng, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Đồng Tháp, Phú Yên, Bình Định). Ngoài ra, có một số Quỹ BLTD đang tiến hành thủ tục giải thể (Quỹ BLTD tỉnh Yên Bái).

Cơ chế bảo lãnh thông qua Ngân hàng Phát triển Việt Nam

Chương trình bảo lãnh tín dụng cho DNNVV được triển khai qua NHPT từ năm 2009 theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 14/2009/QĐ-TTg ngày 21/01/2009, Quyết định số 60/2009/QĐ-TTg ngày 17/04/2009; Quyết định số 03/2011/QĐ-TTg ngày 10/01/2011 (thay thế Quyết định số 14/2009/QĐ-TTg và Quyết định số 60/2009/QĐ-TTg) với mục đích bảo lãnh cho các DNNVV vay vốn tại ngân hàng thương mại để đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh.

Tuy nhiên đến nay chương trình bảo lãnh tín dụng của NHPT đã dừng triển khai.

3.3. Chính sách hỗ trợ DNNVV tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng

Hiện nay, DNNVV được bình đẳng như các doanh nghiệp khác trong tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng theo quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Đồng thời, trên cơ sở xác định DNNVV là 1 trong 5 lĩnh vực ưu tiên trong việc cấp tín dụng, ngành ngân hàng đã có nhiều chính sách hỗ trợ lĩnh vực này như:

- Tràn lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng

VNĐ đối với các lĩnh vực ưu tiên, trong đó có DNNVV thấp hơn 1%-2%/năm so với các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường. Từ đầu năm 2020 đến nay, mức lãi suất này đã được điều chỉnh giảm 03 lần với tổng mức giảm là 1,5%/năm, hiện nay còn 4,5%/năm.

- Các thông tư hướng dẫn các TCTD trong cho vay có bảo lãnh của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNNVV đã được ban hành (Thông tư 45/2018/TT-NHNN ngày 28/12/2018; Thông tư 05/2015/TT-NHNN ngày 4/5/2015).

- Các chương trình, chính sách tín dụng đặc thù đối với các ngành, lĩnh vực, trong đó có đối tượng thụ hưởng là các DNNVV đã được ban hành như: (i) Chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015, Nghị định 116/2018/NĐ-CP ngày 7/9/2018; (ii) Chương trình cho vay khuyến khích phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch theo Quyết định 813/QĐ-NHNN ngày 24/4/2017; (iii) Cho vay hỗ trợ giảm tổn thất trong nông nghiệp theo Quyết định 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ...

- Ngoài ra, hiện nay, các TCTD cũng chủ động tiếp cận đối tượng khách hàng là nhóm DNNVV, đưa ra nhiều chương trình, sản phẩm tín dụng phù hợp với đặc thù hoạt động của các khách hàng trong lĩnh vực này.

4. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ DNNVV TIẾP CẬN VỐN TÍN DỤNG

4.1. Kết quả cấp tín dụng đối với DNNVV của ngành ngân hàng

4.1.1. Dư nợ cấp tín dụng đối với DNNVV trong giai đoạn 2016 đến nay đạt được kết quả như sau

Thời điểm	Dư nợ tín dụng đối với DNNVV (tỷ đồng)	Số lượng DNNVV còn dư nợ	Tăng trưởng so với cuối năm trước (%)	Tăng trưởng tín dụng nền kinh tế (%)
31/12/2016	1.202.117	N/A	14,26	18,25
31/12/2017	1.375.784	156.486	14,45	18,28
31/12/2018	1.322.502	189.556	16,93	13,89
31/12/2019	1.601.964	200.345	21,1	13,65
31/12/2020	1.778.180	200.044	11	10

(Nguồn: Tổng hợp từ các báo cáo của NHNN giai đoạn 2016-2020)

Từ năm 2018 đến nay tốc độ tăng trưởng tín dụng đối với DNNVV cao hơn tốc độ tăng trưởng tín dụng chung của nền kinh tế. Bình quân giai đoạn 2016-2019 dư nợ cấp tín dụng cho DNNVV tăng 16,69%, cao hơn bình quân chung toàn nền kinh tế. Đến cuối năm 2020, tín dụng DNNVV tăng khoảng 11% so với cuối năm 2019, thấp hơn năm 2019, chiếm 19,5% tổng dư nợ tín dụng chung. Nguyên nhân là do các DNNVV chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ, trong đó nằm nhiều ở lĩnh vực bán buôn, bán lẻ hoặc nhà hàng, ăn uống là những lĩnh vực dễ bị tổn thương khi nền kinh tế gặp biến động. Khi dịch Covid-19 bùng phát, các DNNVV là khu vực bị chịu ảnh hưởng rất lớn dẫn đến tăng trưởng tín dụng giảm.

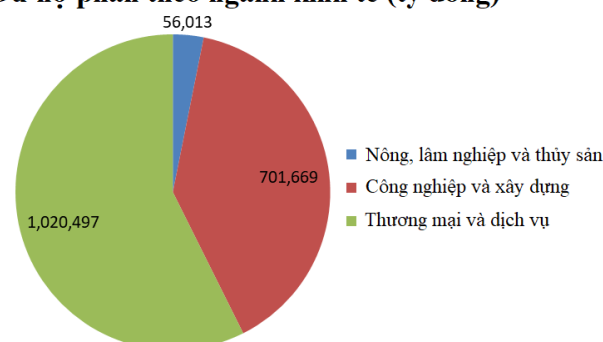
4.1.2. Cơ cấu tín dụng đối với DNNVV phân theo loại hình, kỳ hạn, ngành kinh tế tại thời điểm 31/12/2020

▪ Dư nợ phân theo ngành kinh tế

Dư nợ đối với DNNVV tập trung chủ yếu vào lĩnh vực khu vực thương mại và dịch vụ, công nghiệp và xây dựng (chiếm 96,85% trên

95%); lĩnh vực nông, lâm, thủy sản chiếm tỷ trọng thấp, 3,15%. Cụ thể như sau:

Dư nợ phân theo ngành kinh tế (tỷ đồng)

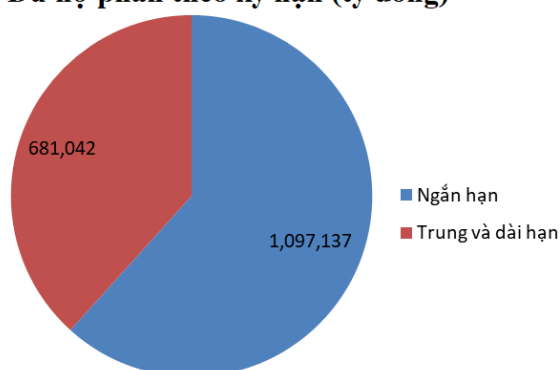


(Nguồn: Tổng hợp từ các báo cáo của NHNN)

▪ Dư nợ phân theo kỳ hạn

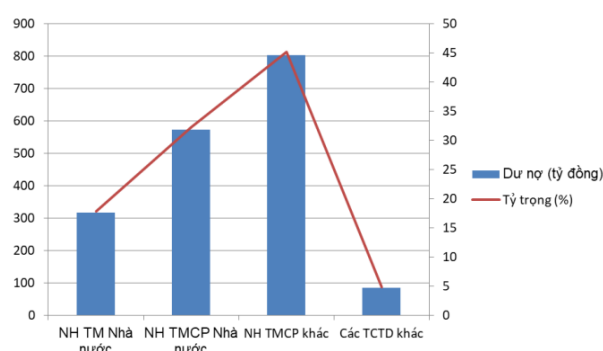
Xét về cơ cấu cho vay phân theo kỳ hạn, các DNNVV chủ yếu vay vốn ngắn hạn để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh. Dư nợ cho vay trung dài hạn chiếm 38,3%, thấp hơn so với tỷ lệ cho vay trung dài hạn toàn nền kinh tế (khoảng 50%). Điều này cho thấy, nhu cầu đầu tư tài sản cố định và đầu tư dài hạn của DNNVV để nâng cao năng lực, mở rộng quy mô còn thấp. Thực tế cho thấy DNNVV chiếm tới 97% số doanh nghiệp toàn nền kinh tế nhưng tỷ trọng vốn đầu tư cho tài sản cố định và đầu tư dài hạn chỉ chiếm chưa đầy 30% tổng vốn đầu tư toàn nền kinh tế.

Dư nợ phân theo kỳ hạn (tỷ đồng)



(Nguồn: Tổng hợp từ các báo cáo của NHNN)

▪ **Dư nợ phân theo loại hình các TCTD**



(Nguồn: Tổng hợp từ các báo cáo của NHNN)

Bảng trên cho thấy các TCTD có vốn nhà nước nắm quyền chi phối chiếm hơn 50% tổng số dư nợ cho vay đối với các DNNVV. Khối các NHTMCP khác cũng nắm một tỷ lệ cao tới 45,18%.

Như vậy, trong thời gian vừa qua, các DNNVV đã được tạo điều kiện thuận lợi hơn trong việc tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Cơ chế, chính sách tín dụng tiếp tục được hoàn thiện như quy định về hoạt động cho vay, về bảo lãnh ngân hàng, quy định về hoạt động cho vay để đầu tư ra nước ngoài của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, các chính sách tín dụng đặc thù đối với các ngành, lĩnh vực.

Bên cạnh đó, các TCTD đã có sự chuyển biến mạnh mẽ về chính sách tín dụng đối với

DNNVV, triển khai đa dạng các gói sản phẩm vay vốn ưu đãi riêng cho các DNNVV bằng cả VND và ngoại tệ; tích cực hỗ trợ doanh nghiệp trong việc đa dạng hóa các hình thức cấp tín dụng, tạo thêm giá trị gia tăng cho DNNVV thông qua các dịch vụ tiện ích phong phú; quy trình, thủ tục cấp tín dụng đối với doanh nghiệp ngày càng đơn giản, phù hợp tạo điều kiện cho doanh nghiệp được tiếp cận vốn dễ dàng hơn.

4.2. Kết quả triển khai chính sách hỗ trợ DNNVV thông qua các quỹ tài chính của Nhà nước

4.2.1. Quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNNVV

Kết quả cho vay có bảo lãnh của Quỹ BLTD giai đoạn 2016-2020:

▪ Trong giai đoạn 2016-2020, 110 DNNVV đã nhận được bảo lãnh của Quỹ BLTD vay vốn tại các NHTM.

▪ Dư nợ tín dụng có bảo lãnh của Quỹ BLTD tăng từ 410.983 tỷ đồng năm 2016 tăng lên 648.201 tỷ đồng của năm 2017, sau đó giảm dần cho đến nay. Dư nợ tín dụng giảm xuống còn 282.533 tỷ đồng tại thời điểm tháng 9/2020, giảm 31% so với cuối năm 2016. Đến nay, chỉ còn dư nợ có bảo lãnh tín dụng của Quỹ BLTD tại 4 NHTM (Ngoại thương, Đầu tư và Phát triển, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, và Liên Việt).

▪ Số tiền Quỹ BLTD đã trả nợ thay trong giai đoạn này là 79.813 tỷ đồng.

4.2.2. Quỹ Phát triển DNNVV

▪ Kết quả hoạt động cho vay gián tiếp: Đến nay đã có 05 Ngân hàng thương mại (BIDV, MBBank, SHB, HDBank và Bắc Á Bank) đã ký Hợp đồng khung cho vay gián tiếp với Quỹ Phát triển DNNVV để cho vay DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị. Theo số liệu của Quỹ Phát triển DNNVV, dư nợ ủy thác cho vay

DNNVV qua các ngân hàng thương mại đến hết tháng 9/2020 đạt khoảng 65 tỷ đồng.

- Kết quả hoạt động cho vay trực tiếp: Quỹ chưa triển khai hoạt động cho vay trực tiếp đối với DNNVV.

4.3. Kết quả bảo lãnh của NHPT

Triển khai hoạt động bảo lãnh tín dụng qua NHPT, từ khi triển khai đến tháng 09/2020, NHPT đã phát hành được 1.536 chứng thư bảo lãnh với tổng giá trị vốn vay được bảo lãnh là 10.692,4 tỷ đồng, trong đó:

- Số chứng thư bảo lãnh đã hết hiệu lực là: 1415 chứng thư với tổng dư nợ được bảo lãnh 7806,31 tỷ đồng.
- Số chứng thư NHPT đã phải trả nợ thay là: 81 chứng thư với tổng số tiền trả nợ thay là 985,18 tỷ đồng (nợ gốc trả thay).
- Số chứng thư bảo lãnh vẫn còn hiệu lực là: 50 chứng thư.
- Số dư bảo lãnh của NHPT cho các DNNVV vay vốn NHTM là 820 tỷ đồng.

5. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HỖ TRỢ VỐN TÍN DỤNG ĐỐI VỚI DNNVV TRONG THỜI GIAN QUA

5.1. Kết quả đạt được

- Dư nợ tín dụng đối với DNNVV trong giai đoạn 2016 đến nay có xu hướng tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước, đồng thời từ năm 2018 đến nay, tăng trưởng dư nợ tín dụng đối với DNNVV đã tăng cao hơn tốc độ tăng trưởng tín dụng chung toàn nền kinh tế.
- Hiện đang có 200.044 DNNVV có dư nợ tại các TCTD (chiếm khoảng 26% tổng số lượng DNNVV đang hoạt động). Với đặc điểm quy mô doanh nghiệp Việt Nam chủ yếu là các doanh nghiệp siêu nhỏ, chiếm tới khoảng 65% tổng số doanh nghiệp, loại hình doanh nghiệp này hoạt động ở quy mô nhỏ, nhu cầu vốn không nhiều và chủ yếu sử dụng

vốn tự có hoặc huy động vốn từ bạn bè, người thân. Loại hình các đối tượng còn lại là doanh nghiệp quy mô nhỏ và quy mô vừa chiếm 35%, tương ứng với trên 260.000 doanh nghiệp, là đối tượng có nhu cầu cao hơn trong việc tiếp cận vốn tín dụng. Như vậy, có thể thấy đa phần các DNNVV có nhu cầu đã tiếp cận nguồn vốn tín dụng phục vụ sản xuất, kinh doanh.

- Cho vay đối với DNNVV thuộc các ngành kinh tế có xu hướng phù hợp với tỷ trọng số lượng doanh nghiệp hoạt động tại các ngành. Theo số liệu tại Sách trắng doanh nghiệp 2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đến 31/12/2019, số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 1,3%, số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng chiếm 31,6%, số doanh nghiệp trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ chiếm 67,1% trong tổng số doanh nghiệp đang hoạt động.

5.2. Khó khăn, vướng mắc

Mặc dù tín dụng đối với DNNVV trong thời gian vừa qua đã đạt được những kết quả nhất định, tuy nhiên, DNNVV vẫn còn gặp phải những khó khăn, vướng mắc khi tiếp cận vốn tín dụng do:

- Kinh tế thế giới và trong nước vẫn diễn biến phức tạp, ẩn chứa nhiều yếu tố bất ổn, đặc biệt tác động bất lợi từ dịch tả lợn châu Phi, thiên tai, dịch bệnh Covid-19 đặt ra những thách thức không nhỏ đối với mục tiêu về kiểm soát nợ xấu khi tiềm ẩn nợ xấu tăng.
- Thực trạng hiện nay, việc huy động vốn của các DNNVV để phục vụ sản xuất kinh doanh phụ thuộc phần lớn vào hệ thống ngân hàng, nhất là vốn trung dài hạn, tạo ra áp lực cho hệ thống TCTD trong việc vừa đáp ứng nhu cầu vốn của nền kinh tế nói chung trong đó có DNNVV, vừa đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng.

▪ Hạn chế xuất phát từ chính bản thân DNNVV, như: quy mô vốn nhỏ, vốn chủ sở hữu và năng lực tài chính hạn chế, trình độ quản trị doanh nghiệp bất cập, khó tiếp cận vốn tín dụng do thiếu phương án kinh doanh khả thi, số liệu thiếu chính xác, thiếu hoặc không đủ giấy tờ về tài sản bảo đảm; DNNVV chưa có sự hợp tác chặt chẽ với ngân hàng khi vay vốn hoặc cơ cấu lại khoản nợ.

▪ Các cơ chế hỗ trợ tiếp cận vốn cho DNNVV thông qua bảo lãnh của Quỹ bảo lãnh tín dụng, hỗ trợ vốn của Quỹ phát triển DNNVV thời gian qua chưa đạt được như kỳ vọng, nguyên nhân là do:

– Đối với quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNNVV: (i) Vốn điều lệ của Quỹ bảo lãnh tín dụng hiện chưa được các UBND các tỉnh, thành phố cấp đủ theo quy định; (ii) Bảo lãnh của Quỹ BLTD là bảo lãnh có điều kiện, Quỹ BLTD được quyền từ chối nghĩa vụ bảo lãnh nên thời gian qua đã có nhiều trường hợp Quỹ bảo lãnh tín dụng từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh và xảy ra tranh chấp với các TCTD cho vay; (iii) Một số Quỹ BLTD hoạt động không hiệu quả; nhân lực, trang thiết bị còn hạn chế. Chi phí hạn hẹp do nguồn thu tài chính hàng năm thấp, chủ yếu là lãi tiền gửi tại các NHTM; (iv) Nguyên tắc hoạt động của Quỹ là phải bảo toàn vốn, trong khi hoạt động bảo lãnh là hoạt động có rủi ro, mức trích lập dự phòng rủi ro không đủ lớn để có thể thực hiện nghĩa vụ trả thay khi DNNVV không có khả năng trả nợ, do đó, không khuyến khích Quỹ thực hiện bảo lãnh.

– Đối với Quỹ Phát triển DNNVV: Hiện Quỹ Phát triển DNNVV chưa triển khai hoạt động cho vay trực tiếp đối với DNNVV; về cho vay gián tiếp, các DNNVV vẫn phải tiếp cận vốn theo cơ chế cho vay thương mại thông thường

theo quy định nội bộ của các ngân hàng, Quỹ chưa thể hiện được vai trò quyết định trong việc hỗ trợ DNNVV.

6. CÁC GIẢI PHÁP HỖ TRỢ DNNVV TIẾP CẬN VỐN TÍN DỤNG TRONG THỜI GIAN TỚI

Với vai trò quan trọng của DNNVV trong tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, huy động các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển và đóng góp vào sự phát triển của đất nước, việc triển khai các giải pháp hỗ trợ DNNVV hỗ trợ là cần thiết. Hiện nay, Luật Hỗ trợ DNNVV đã quy định một hệ thống đồng bộ các chính sách hỗ trợ DNNVV; tuy nhiên, để các chính sách đi vào cuộc sống cần sự triển khai đồng bộ, quyết liệt của các cấp, các ngành. Đồng thời, trong bối cảnh nguồn lực nhà nước còn hạn chế, các chính sách hỗ trợ cần tập trung vào các doanh nghiệp quy mô vừa, đây là lực lượng đầu tàu có khả năng lan tỏa, dẫn dắt các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ tham gia chuỗi sản xuất, chuỗi giá trị trong nước, nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp này.

Riêng về chính sách hỗ trợ tiếp cận tín dụng, cần phải đặt trong tổng thể các chính sách khác như nâng cao năng lực, tham gia thị trường, thuế, đất đai... để tháo gỡ khó khăn cho DNNVV, qua đó nâng cao khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp. Trong thời gian tới, cần tiếp tục triển khai nhiều giải pháp hỗ trợ tín dụng đối với các DNNVV như:

▪ *Thứ nhất*, Nhà nước tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho phát triển DNNVV nhằm bảo đảm duy trì niềm tin và tăng cường đầu tư. Theo đó, Chính phủ cần có giải pháp bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, đẩy nhanh quá trình cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình

tăng trưởng. Có chính sách khuyến khích thành lập DNNVV; thu hẹp những lĩnh vực kinh doanh có điều kiện, tạo điều kiện để kinh tế tư nhân phát triển, trong những ngành, lĩnh vực, địa bàn mà pháp luật không cấm, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ.

- *Thứ hai*, thúc đẩy sự phát triển của thị trường vốn. Đặc biệt là các biện pháp khuyến khích sự phát triển thị trường vốn để tạo điều kiện cho DNNVV huy động vốn thông qua các quỹ đầu tư, giảm sự lệ thuộc quá nhiều vào nguồn vốn vay ngân hàng.

- *Thứ ba*, khuyến khích, hỗ trợ DNNVV đầu tư vào các hoạt động nghiên cứu và phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến. Đặc biệt cần tăng cường đầu tư và ứng dụng công nghệ trong việc lập sổ sách kế toán, khai thuế và hải quan điện tử, giao dịch ngân hàng qua internet nhằm giảm chi phí giao dịch, kết nối và chia sẻ thông tin tài chính với các tổ chức tín dụng để dần minh bạch hóa thông tin tài chính, tạo lòng tin trên thị trường.

- *Thứ tư*, tiếp tục có các chính sách hỗ trợ DNNVV từ các quỹ tài chính của Nhà nước phù hợp với yêu cầu thực tiễn của DN cũng như môi trường kinh doanh. Theo đó, sự hỗ trợ của Nhà nước đối với DNNVV phải dựa trên những nền tảng pháp lý, các quy định của pháp luật quốc gia, tuân thủ các cam kết quốc tế trong các hiệp định đa phương, song phương mà Việt Nam là thành viên. Việc hỗ trợ trên nguyên tắc này sẽ đảm bảo không tạo ra những rào cản pháp lý hay sự phân biệt đối xử giữa các DN.

7. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Chính phủ: Tiếp tục chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương:

- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai các chính sách hỗ trợ DNNVV tại Luật Hỗ trợ DNNVV, bảo đảm các chính sách hỗ trợ DNNVV được triển khai đồng bộ, hiệu quả.

- Cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp; tạo điều kiện thuận lợi cho DNNVV phát triển.

2. Đối với các Bộ, ngành:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trình Chính phủ phê duyệt, bố trí nguồn vốn cho các chương trình cũng như nguồn vốn cấp bù lãi suất cho các TCTD thực hiện cho vay các chương trình tín dụng theo chỉ đạo của Chính phủ.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi Nghị định 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ DNNVV, trong đó bổ sung hướng dẫn chính sách cấp bù lãi suất đối với khoản vay của DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; chỉ đạo Quỹ Phát triển DNNVV sớm triển khai hoạt động cho vay trực tiếp đối với DNNVV, tạo điều kiện tháo gỡ khó khăn cho DNNVV trong tiếp cận vốn.

- Sớm nâng cấp Cổng thông tin quốc gia về hỗ trợ DNNVV, tích hợp với cổng thông tin DNNVV của ASEAN và của các Bộ, ngành (thuế, hải quan...) tạo cơ sở hình thành kho dữ liệu về DNNVV, giúp các TCTD giảm thời gian thu thập thông tin và thẩm định cho vay đối với DNNVV.

- Bộ Tài chính xem xét, nghiên cứu sửa đổi Nghị định 34/2018/NĐ-CP theo hướng xây dựng cơ chế tạo nguồn quỹ dự phòng rủi ro

của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNNVV, đảm bảo khi rủi ro xảy ra Quỹ có khả năng xử lý mà vẫn bảo toàn được vốn điều lệ.

- Ngân hàng Nhà nước điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, thị trường tiền tệ, góp phần quan trọng vào việc kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, tạo điều kiện thuận lợi cho DNNVV tiếp cận vốn tín dụng.

3. Đối với UBND các tỉnh, thành phố

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố quan tâm cấp vốn và đẩy nhanh việc kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của các quỹ hỗ trợ DNNVV tại địa phương. Đồng thời, cần xác định tiềm năng, thế mạnh của địa phương để định hướng phát triển doanh nghiệp, đặc biệt là các DNNVV, tạo động lực tăng trưởng bền vững.

- Đẩy nhanh tiến độ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất, thủ tục giao dịch bảo đảm và các thủ tục hành chính liên quan nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp trong quan hệ với ngân hàng.

- Tiếp tục phối hợp với ngành ngân hàng tích cực triển khai Chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp để nắm bắt và xử lý kịp thời các khó khăn của người dân, doanh nghiệp trong quan hệ tín dụng.

4. Đối với các hiệp hội và bản thân DNNVV:

- Các hiệp hội ngành nghề cần nâng cao vai trò, tầm ảnh hưởng của mình để làm cầu nối cho các DNNVV tiếp cận với các TCTD; đầu mối trong việc hỗ trợ cho các DNNVV về thông tin thị trường, các hoạt động xúc tiến thương mại, triển lãm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho các doanh nghiệp thành viên.

Khuyến nghị các Bộ, ngành đưa ra các chính sách khuyến khích DNNVV phát triển bền vững.

- Bản thân các DNNVV cũng phải tăng cường đổi mới, sáng tạo; tự nâng cao năng lực quản trị điều hành; minh bạch tài chính và thông tin hoạt động, tái cấu trúc hoạt động, xây dựng phương án chuyển đổi sản xuất kinh doanh hiệu quả phù hợp với thực tế làm cơ sở để các TCTD thẩm định cho vay.

5. Các TCTD tiếp tục tập trung vốn tín dụng đối với các lĩnh vực ưu tiên, trong đó có DNNVV; tiếp tục rà soát, cải tiến quy trình cho vay, thủ tục vay vốn, nâng cao khả năng thẩm định để rút ngắn thời gian giải quyết cho vay, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận vốn nhưng vẫn đảm bảo an toàn vốn vay.

- Tích cực triển khai chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp để cùng với chính quyền các địa phương trực tiếp tháo gỡ đồng bộ những khó khăn, vướng mắc của DNNVV, góp phần tăng khả năng tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng của đối tượng này.

8. KẾT LUẬN

DNNVV ngày càng có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế của đất nước. Tuy nhiên, trên thực tế DNNVV vẫn gặp nhiều khó khăn trong việc thu xếp vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Chính phủ, các Bộ, ngành đã ban hành nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ để các DNNVV thuận lợi hơn trong tiếp cận vốn tín dụng, nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của doanh nghiệp. Hy vọng trong thời gian tới cùng với các giải pháp hỗ trợ đồng bộ của Chính phủ, các ban ngành, của khối ngành Ngân hàng và bản thân DNNVV, việc tiếp cận vốn tín dụng của DNNVV sẽ thuận lợi và có những bước phát triển mạnh mẽ hơn nữa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Quốc hội (2017), Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017.
- [2] Chính phủ (2018), Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.
- [3] Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2017), Sách trắng doanh nghiệp nhỏ và vừa.
- [4] Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương (2018), Đổi mới phương thức hỗ trợ tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa: Kinh nghiệm quốc tế và một số kiến nghị cho Việt Nam.
- [5] CIEM, ILSSA, DOE và UNU-WIDER (2005, 2007, 2009, 2011, 2013, 2015), Báo cáo Đặc điểm môi trường kinh doanh ở Việt Nam; Kết quả điều tra doanh nghiệp nhỏ và vừa (các năm 2005, 2007, 2009, 2011, 2013, 2015, 2016, 2017).

Thông tin liên hệ:

Vũ Thị Bích Hảo

Điện thoại: 0942097472 - Email: vtbhao@uneti.edu.vn

Khoa Tài chính Ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

